

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty Agifish

Trụ sở chính: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP Long Xuyên, An Giang.

Điện thoại: 0296.3852368 Fax: 0296.3852202

Người thực hiện công bố thông tin: Phùng Đức Hùng Dũng

Địa chỉ: 16 Lý Phật Mã, Phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện thoại : 0888405988 ; Fax: 0296.3852202

Loại thông tin công bố 24 giờ

Nội dung thông tin công bố:

Tài liệu phục vụ đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2018 - 2019

- Ngày tổ chức; thứ tư, ngày 20/02/2019
- Địa điểm: Trụ sở Công ty số 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP Long Xuyên, An Giang.
- Các tài liệu phục vụ đại hội
 - Thư mời đại hội
 - Chương trình làm việc
 - Dự thảo nghị quyết thông qua đại hội
 - Tờ trình nhân sự bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023
 - Tờ trình thông qua bán tài sản cơ cấu lại Công ty
 - Báo cáo thường niên
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Các tài liệu phục vụ cho đại hội đã được Công ty đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Công ty từ ngày 30/01/2019 tại đường dẫn <http://agifish.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

Các tài liệu phục vụ đại hội

An Giang, ngày 01 tháng 02 năm 2019
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHÙNG ĐỨC HÙNG DŨNG

THÔNG BÁO

(Tham dự Hội nghị công tác hàng năm tài chính 2018-2019)

Kính gửi: - Toàn thể công nhân Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang

Hội đồng Quản trị Công ty kính mời tất cả các đồng sự thuộc phân công Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang tham dự Hội nghị công tác hàng năm tài chính 2018-2019, cụ thể như sau:

- Thời gian:** Từ 8h30 ngày thứ 20/02/2019
- Địa điểm:** Trụ sở Công ty số 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Chánh, TP Long Xuyên, An Giang.
- Thành phần tham dự:**
 - Tất cả các đồng sự thuộc hồ sơ nhân sự hiện tại thuộc phân công theo danh sách chốt ngày 23/01/2019 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – chi nhánh TPHCM.
 - Trường hợp đồng sự không trực tiếp đi, nếu có nhu cầu ủy quyền thì ủy quyền cho hiện tại thuộc phân công tham dự Hội nghị hồ sơ nhân sự cho các thành viên HĐQT Công ty. Việc ủy quyền phải làm bằng văn bản theo mẫu gửi kèm, có chữ ký xác nhận (*ivis đồng là cá nhân*) và ký tên đồng ý (*ivis chức, c quan*)
- Nội dung hội nghị:**
 - Thông qua các báo cáo trong năm tài chính 2017 - 2018: báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính; báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị; báo cáo của Ban kiểm soát.
 - Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch, sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2018 – 2019
 - Thông qua việc bán 02 nhà máy đồng lạnh AGF8, AGF9 và 02 vùng nuôi nguyên liệu tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp trên vay ngân hàng và bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh; đồng thời chuyển nhượng đất khu nhà tập thể Công nhân tại phường Bình Chánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cho nhân viên khác thành lập.
 - Thông qua việc Hội đồng Ủy quyền cho HĐQT xem xét lựa chọn nhân viên kiểm toán độc lập kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty và danh sách các Công ty kiểm toán trong năm tài chính 2018 – 2019
 - Bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.
 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội nghị công tác.
- Người ký tham dự hội nghị:**
 - Thư mời gửi kèm cho vị trí chức danh, sau khi nhận được thẩm định các đồng sự xác nhận việc tham dự hồ sơ ủy quyền tham dự từ ngày 18/02/2019.
 - Khi tham dự hội nghị, đồng sự vui lòng mang theo giấy CMND, thẩm định hồ sơ gửi ủy quyền tham dự hội nghị người ký tham dự hội nghị và nhân tài liệu.
 - Chúng tôi gửi kèm cho quý đồng sự chương trình và các tài liệu cần thiếp cần chú ý (Thư mời kèm các tài liệu phục vụ hội nghị công bố trên trang thông tin internet của công ty vào ngày 30/01/2019 tại đồng ý <http://agifish.com.vn> và thông qua kênh truyền thông tin và cấp nhật các sai, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc hội nghị.
 - Các chi phí chi trả chi phí đi và về khi tham dự hội nghị.
 - Mời chi tiết xin quý đồng sự vui lòng liên hệ với:
 - Ông Phùng Văn Hùng Đồng ý T: 0888405988 - 0902335981

An Giang, ngày 28 tháng 01 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHÂU DUY CƯỜNG

CHƯƠNG TRÌNH
THI KIỂM TRA TỔNG THAM KHẢO THƯỜNG NIÊN 2018-2019
CÔNG TY SẢN XUẤT NHAI P K H U TH Y S N AN GIANG
Lúc 8 giờ 30' ngày 20/02/2019 tại Công ty AGIFISH
Số 1234 Trần Hưng Đạo, phường Bình Chánh, TP Long Xuyên, An Giang

1. Giới thiệu chương trình, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
2. Báo cáo kiểm tra tác cách đại biểu tham dự hội
3. Thông qua danh sách: Chủ tịch đoàn, Ban chấp hành, Ban biểu quyết
4. Báo cáo tài chính tóm tắt tổng hợp năm 2017-2018
5. Báo cáo tổng hợp năm 2017 – 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2018-2019
6. Báo cáo của kiểm toán viên
7. Báo cáo của Trưởng Ban kiểm soát
8. Thảo luận và thông qua các Nghị quyết:
 - Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - Báo cáo của Ban Giám đốc;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2017-2018 đã kiểm toán.
 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018-2019
 - Lịch trình Công ty kiểm toán cho năm 2018-2019
 - Thông qua kế hoạch bán 02 nhà máy công nghệ AGF8, AGF9 và 02 vùng nuôi nguyên liệu tại huyện Châu Thành, tỉnh Long Tháp; Chuyển nhượng dự án khu nhà tập thể Công nhân cho đơn vị khác thực hiện.
 - Nhận xét khác thu nhập quy định hội
9. Phân bổ quy định và biểu quyết:
 - Bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023
 - Biểu quyết thông qua các Nghị quyết của hội
10. Nghị quyết giao
11. Công bố kết quả biểu quyết và biểu quyết thông qua các Nghị quyết của hội
12. Thủ tục thông qua biên bản hội
13. Kết thúc và tuyên bố bế mạc hội

NH NG V N C NT P TRUNG TH O LU N
và BI U QUY T THÔNG QUA NGH QUY T

1. **V n 1:** Thông qua báo cáo c a H i ng qu n tr .
2. **V n 2:** Thông qua báo cáo c a Ban Giám c .
3. **V n 3:** Thông qua báo cáo tài chính ã c ki m toán và báo cáo c a Ban ki m soát, k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh niên 2017-2018.

VT: NG

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	T ng l i nhu n sau thu n m tr c ch a phân ph i h t n 30/9/2017	-92.322.626.933	
1	L i nhu n sau thu ch a phân ph i n 30/9/2016	95.006.609.430	
2	L i nhu n sau thu trong niên 2016 – 2017	-187.329.236.363	
a	Qu khen th ng, phúc l i		
b	<i>Chi c t c 2015: 25% (chi b ng ti n m t)</i>		
II	L i nhu n sau thu c a niên 2017-2018	-178.107.348.367	
III	T ng l i nhu n ch a phân ph i (I+II)	-270.429.975.300	
	Ph ng án phân ph i l i nhu n c n th o lu n		
1	Qu d tr b t bu c 5% (d phòng tài chính)		
2	Qu khen th ng, phúc l i 10%		
3	Trong ó : Qu khen th ng 60% Qu phúc l i 40%		
4	Chi thù lao cho H QT và Ban ki m soát		
5	L i nhu n còn l i trích Qu u t phát tri n		
	L i nhu n sau thu còn l i	-270.429.975.300	

4. V n 4:

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh niên tài chính 2018 – 2019 như sau

STT	Chỉ tiêu	VT	Niên tài chính 2018-2019
1	Sản lượng cá tra fillet xuất khẩu	tấn	12.000
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa	tấn	2.900
3	Kim ngạch xuất khẩu	USD	42.000.000
4	Kim ngạch nhập khẩu	USD	100.000
5	Doanh thu	triệu đồng	1.500
6	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	30
7	Tổng lao động	Người	1.800
8	Thu nhập bình quân người/tháng	/n/t	5.400.000

5. V n 5: Bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023

6. V n 6: Thông qua việc bán 02 nhà máy công nghiệp AGF8, AGF9 và 02 vùng nuôi nguyên liệu tại huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp chuyển nhượng dự án khu nhà tập thể công nhân tại phường Bình Chánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cho đơn vị khác thực hiện trên vay ngân hàng và bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

7. V n 7:

Giao quyền cho Hội đồng quản trị Lựa chọn Công ty kiểm toán niên tài chính năm 2018-2019: chọn 1 trong các đơn vị sau : A&C, PWC, Ernst & Young Việt Nam, Deloitte,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHÍNH CHỨC**



CHÂU DUY CƯỜNG

An Giang, ngày tháng năm 2019

D t h o

T TRÌNH
(V/v: Thông qua các ngh quy t c a i h i)

Kính g i: i H i ng c ông Công ty C ph n XNK Th y s n An giang

- C n c vào i u l Công ty C ph n XNK Th y s n An giang ã c i h i ng c ông thông qua ngày 19 tháng 03 n m 2015.
- C n c vào th c t h o t ng c a Công ty.

Nay, H i ng qu n tr Công ty c ph n Xu t nh p kh u Th y s n An Giang trình m t s n i dung quan tr ng thông qua các ngh quy t sau:

1. Thông qua báo cáo c a H i ng qu n tr ;
2. Thông qua báo cáo c a Ban giám c ;
3. Thông qua báo cáo c a Ban ki m soát, báo cáo tài chính niên tài chính 2017-2018 sau ki m toán.
4. Thông qua k ho ch, s n xu t kinh doanh trong niên tài chính 2018 – 2019
5. Thông qua vi c bán 02 nhà máy ông l nh AGF8, AGF9 và 02 vùng nuôi nguyên li u t i huy n Châu Thành, t nh ng Tháp ng th i chuy n nh ng d án khu nhà t p th công nhân t i Ph ng Bình c, thành ph Long Xuyên, t nh An Giang cho n v khác th c hi n tr n vay ngân hàng và b sung v n l u ng ph c v cho s n xu t kinh doanh. y quy n cho H i ng qu n tr tìm i tác giao d ch v i giá h p lý m b o mang l i hi u qu t t nh t cho Công ty.
6. Thông qua vi c H C u quy n cho H QT xem xét l a ch n n v ki m toán c l p ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty t danh sách các Công ty ki m toán trong niên tài chính 2018 – 2019: A&C; PWC, Ernts & Young Vi t Nam; Deloitte
7. Các n i dung khác thu c th m quy n c a i h i ng c ông.

Kính trình i h i th o lu n và bi u quy t.

TM. H I NG QU N TR
Ch t ch H i ng qu n tr

AGIFISH

Số: 02/TT- HC /N TC2018-2019

Đề nghị

TỜ TRÌNH

Thông qua phương án bán tài sản Công ty

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Thủy sản An Giang

- Công nhân vào buổi Công ty Cổ phần XNK Thủy sản An Giang đã cử Ban Giám đốc thông qua ngày 19 tháng 03 năm 2015.
- Công nhân vào thực hiện công việc Công ty.

Nay, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang trình Ban Giám đốc thông qua phương án bán tài sản tái cơ cấu Công ty, cụ thể:

1. Các loại tài sản:

- Nhà máy công nghiệp AGF8, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Nhà máy công nghiệp AGF9, thị trấn Bình Mỹ, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Vùng nuôi Nha Môn thị trấn Châu Thành, thị trấn Tháp, diện tích 7,7 ha
- Vùng nuôi An Nhơn thị trấn Châu Thành, thị trấn Tháp, diện tích 21 ha
- Dự án khu nhà tập thể công nhân thị trấn Bình Mỹ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang,

2. Giá trị tài sản (theo thẩm định và giá thị trường):

- Nhà máy công nghiệp AGF9: 180 tỷ đồng
- Nhà máy công nghiệp AGF8: 160 tỷ đồng
- Vùng nuôi Nha môn: 15 tỷ đồng
- Vùng nuôi AN Nhơn: 25 tỷ đồng
- Dự án khu nhà tập thể công nhân:
 - * Diện tích: 43.800 m² (Công ty nhận chuyển nhượng từ năm 2008 với số tiền 2.300.000.000 đồng)
 - * Qui mô: 253 căn
 - * Tổng dự toán (2017): 45,87 tỷ đồng
 - * Tình hình chi trả: chưa dứt
 - * Giá chuyển nhượng dự kiến: 20 tỷ đồng

3. Mục đích bán: Trả nợ vay ngân hàng và bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Ý quyên cho Hội đồng quản trị toàn quyền lựa chọn đối tác mua bán với giá hợp lý mang lại lợi ích cho Công ty.

Kính trình Hội đồng quản trị và ban chấp hành thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

An Giang, ngày tháng năm 2019

D ề nghị

T Ờ TRÌNH

V/v: bổ sung nhân sự vào Ban kiểm soát năm 2018 - 2023)

Kính gửi: Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản An Giang

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang
- Căn cứ vào kết quả cuộc họp HĐQT ngày 03/01/2019

Hiện Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang kính trình Giám đốc Công ty đề nghị bổ sung nhân sự tài chính năm 2018-2019 bổ sung vào Ban kiểm soát năm 2018-2023 thay cho Ông Võ Văn Nhân xin thôi nhiệm vụ Giám đốc Công ty ngày 02/01/2019.

Danh sách đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Bà Lê Thị Ngọc Giàu, nhân viên Tài chính kế toán, nhân viên nghiệp vụ Xí nghiệp AGF8 (kèm theo sơ yếu lý lịch)

Kính trình Giám đốc Công ty cho ý kiến và thông qua.

TM. GIÁM ĐỐC QUẢN TRỊ

Chức vụ HĐQT

SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên : LÊ THỊ NGỌC GIÀU Giới tính : nữ
- Ngày sinh : 01/08/1982 Nơi sinh : Bình Đức, Long Xuyên, An Giang.
- CMND số : 351402678 ngày cấp : 18/10/2014 nơi cấp : CA tỉnh An Giang
- Địa chỉ thường trú : Đông An 1, Mỹ Xuyên, Long Xuyên, An Giang.
- Số điện thoại liên lạc : 0935710787
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Chuyên ngành : Tài Chính Doanh Nghiệp
- Tóm tắt quá trình công tác :
 - Từ năm 2005 – 2013 : nhân viên phòng nghiệp vụ Xí nghiệp 360 thuộc cty cổ phần XNK Thủy Sản An Giang.
 - Từ năm 2014 đến nay : nhân viên phòng nghiệp vụ Xí nghiệp 8 thuộc cty cổ phần XNK Thủy Sản An Giang.
- Nơi công tác, chức vụ hiện nay : nhân viên phòng nghiệp vụ Xí Nghiệp 8.
- Số lượng cổ phần sở hữu :cổ phần (bằng chữ)
- Số lượng cổ phần sở hữu: ...cổ phần (bằng chữ.....)
- Tỷ lệ sở hữu của những người có liên quan

TT	Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ
1				
2				

- Các khoản nợ với Công ty : không
 - Lợi ích liên quan tới Tổ chức phát hành : không
- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Long Xuyên, ngày 02 tháng 01 năm 2019

Người khai



Lê Thị Ngọc Giàu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY QUYỀN

Tham dự hội nghị công tác hàng năm năm 2018 - 2019
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang

1. Tôi

tên:.....

CMND số :.....cấp ngàytại.....

ở địa chỉ.....

Hội đồng Quản trị CP (mức giá 10.000 đồng) của Công ty là:.....CP

2. Xin ủy quyền lại cho Ông/Bà:.....

3. CMND số :.....cấp ngàytại.....

Ủy quyền thay thế tôi tham dự hội nghị công tác hàng năm năm tài chính 2018 – 2019 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản An Giang và đi để tôi bị ủy quyền tất cả các chi phí mà tôi sử dụng vào ngày ký cuối cùng 23 tháng 01 năm 2019 như qui định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về sự ủy quyền trên.

Long Xuyên, ngày.....tháng.....năm 2019

Người ủy quyền
(Ký ghi rõ họ và tên)

Người y quyền
(Ký ghi rõ họ và tên)



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN AN GIANG**
AN GIANG FISHERIES IMPORT AND EXPORT
JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

ANNUAL REPORT



TRỤ SỞ CHÍNH

1234 Trần Hưng Đạo - P. Bình Đức - TP. Long Xuyên - An Giang
ĐT: (0296) 3852368 - Fax: (0296) 3852202
info@agifish.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

94 - 96 Nguyễn Du - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 3825 1100 - Fax: (028) 3822 5022
info@agifish.com.vn

www.agifish.com.vn

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018
ANNUAL REPORT



06

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

12

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

22

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

26

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

29

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

36

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018
ANNUAL REPORT



THÔNG TIN CHUNG



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang
Tên viết tắt : (Angiang Fisheries Import Export Joint Stock Company)
Đăng ký : AGIFISH Co.

: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp **1600583588** đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 09 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Vốn điều lệ : 281.097.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

Địa chỉ : 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại : (0296) 852 939 – 852 368

Fax : (0296) 852 202

E.mail : agifish.co@agifish.com.vn

Website : www.agifish.com.vn

Mã cổ phiếu : AGF

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty trước đây là nhà máy đông lạnh của Công ty thủy sản An Giang được khởi công xây dựng năm 1985 và đi vào hoạt động vào tháng 03 năm 1987.

Tháng 11 năm 1995 Công ty xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH) được thành lập theo quyết định số 964/QĐUB của UBND Tỉnh An Giang ký ngày 20/11/1995

Năm 2000, Công ty Agifish được Nhà nước tặng danh hiệu “Anh Hùng Lao Động” và đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong ngành thủy sản. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (AGIFISH Co.) được thành lập theo quyết định số 792/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 28 tháng 06 năm 2001.

Ngày 01/09/2001, Công ty Agifish chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được cấp phép niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 8/3/2002 với mã chứng khoán là AGF.

Công ty Agifish là thành viên của Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản

Việt Nam (VASEP), Hiệp hội cá tra Việt Nam (VPA), Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thủy sản An Giang (AFA).

Agifish áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất: HACCP, CoC, Global Standard For Food Safety (BRC), ISO 17025: 2005. Các tiêu chuẩn ASC, BAP cho vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nhà máy chế biến của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận bởi các tổ chức quốc tế.

Agifish được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 4 code: **DL07, DL08, DL09, DL360**; được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo trong và ngoài nước.

Trên thị trường trong nước sản phẩm chế biến từ cá tra, basa Agifish là “**Hàng Việt Nam chất lượng cao**” liên tục từ năm 2003 đến 2017 do người tiêu dùng bình chọn.

Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

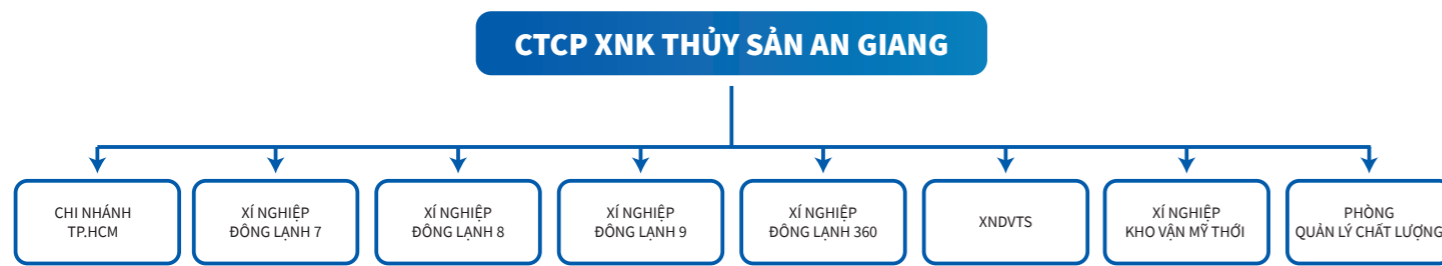
STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến và mua bán thủy, hải sản đông lạnh, thực phẩm.</i> <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến và mua bán dầu biodiesel từ mỡ cá</i>	1020 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán thuốc thú y, thủy sản</i> <i>Chi tiết: Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản</i>	4669
3	Nuôi trồng thủy sản nội địa <i>Chi tiết: Nuôi thủy sản</i>	0322
4	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá <i>Chi tiết: Dịch vụ kho vận, cho thuê kho lạnh, kiểm tra hàng, cân hàng hoá thủy sản</i>	5210
5	Bán buôn thực phẩm	4632

Agifish cung cấp cho thị trường sản phẩm giá trị gia tăng từ cá Tra trên phạm vi cả nước qua mạng lưới đại lý của Agifish và các hệ thống phân phối của Saigon Coopmart, BigC, Mega market ... sản phẩm cá tra Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm, với giá cả hợp lý, góp phần tạo dựng uy tín của sản phẩm thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới như Mỹ, Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông, Nam Mỹ, Đông Âu và Nga.

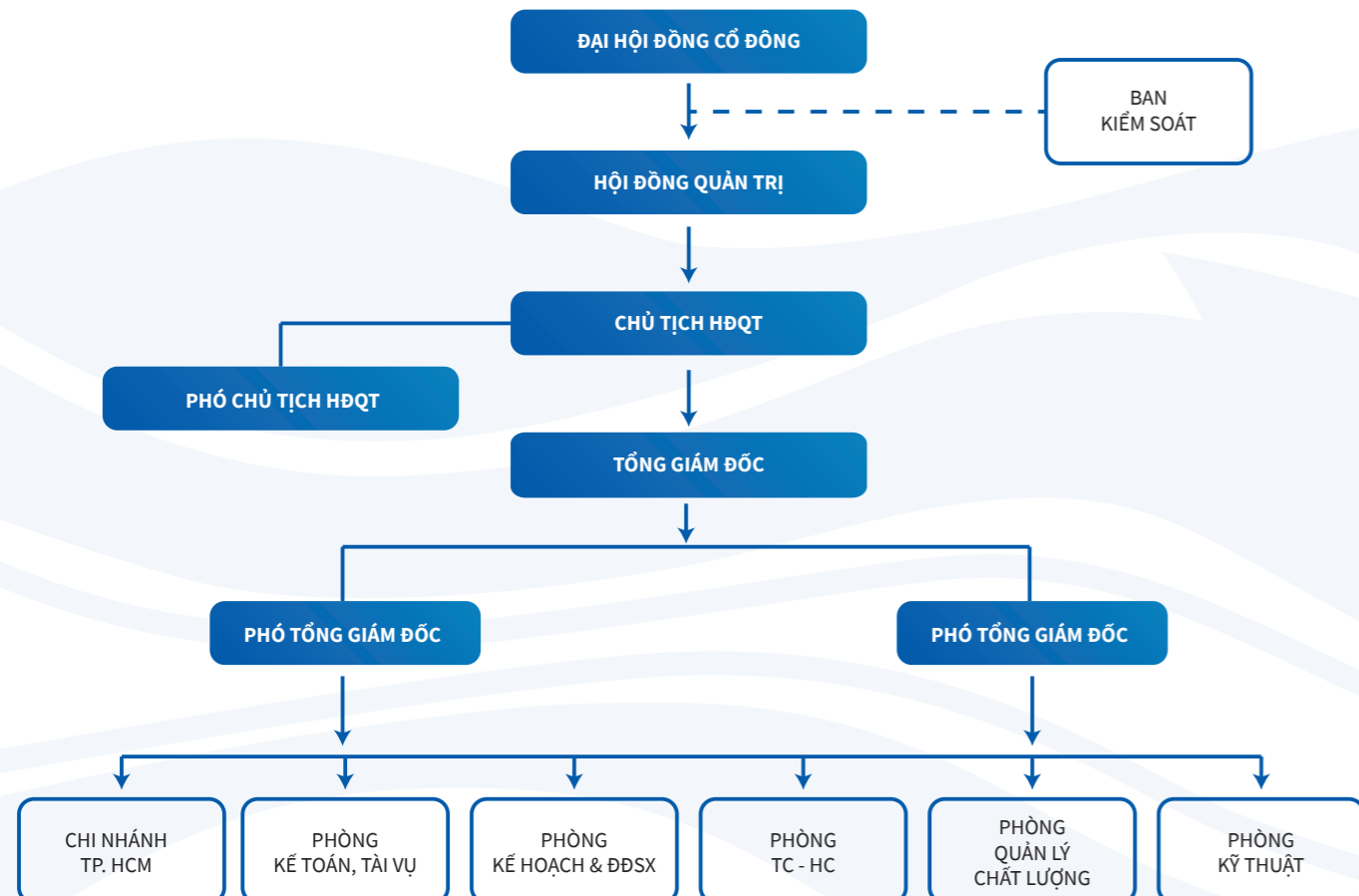


3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



• TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN GIANG

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
 Điện thoại: (0296) 3852 368 – 3852 939
 Fax: (0296) 3852 202

• CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI TP. HCM

Địa chỉ: Lầu 7, Tòa nhà RESCO, số 94 - 96 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: (028) 3825 1100 – (028) 3829 9767
 Fax: (028) 3822 5022

• XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 7

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
 Điện thoại: (0296) 3854 241

• XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 8

Địa chỉ: Quốc lộ 91, Thị trấn An Châu, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang.
 Điện thoại: (0296) 3836 221
 Fax: (0296) 3836 254

• XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH AGF 9

Địa chỉ: 2222 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên - An Giang.
 Điện thoại: (0296) 3958999
 Fax: (0296) 3958888

• XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM AGF360

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 Điện thoại: (0296) 3857 590

• XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ THỦY SẢN

Địa chỉ: 1234 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang.
 Điện thoại: (0296) 395408

• XÍ NGHIỆP KHO VẠN MỸ THỜI

Địa chỉ: số 206, Quốc lộ 91, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, An Giang.
 Điện thoại: (0296) 3930378

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Công ty mẹ: Công ty cổ phần Hùng Vương
 Địa chỉ: Lô 44 KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
 Tỷ lệ nắm giữ cổ phần AGF: 79,58%



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Sắp xếp thu gọn lại các vùng nuôi đảm bảo chất lượng nuôi hiệu quả, đáp ứng được 60-70% nhu cầu sản lượng chế biến cho các nhà máy còn lại của Công ty sau khi đã tái cơ cấu lại sản xuất; Các vùng nuôi đều đạt chuẩn ASC cùng cơ sở chế biến thủy sản hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường. Nghiên cứu nâng cao giá trị sản phẩm cá tra bằng các sản phẩm chế biến giá trị gia tăng.

Đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu Agifish gắn với hệ thống tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc, tăng cường năng lực quản lý từ khâu nguyên liệu đến chế biến xuất khẩu.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Sau khi tái cơ cấu lại Công ty, tập trung đẩy mạnh sản xuất, tìm kiếm khách hàng mới, duy trì khách hàng tuyến thống bằng các sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng được các yêu cầu về kỹ thuật khắt khe của các thị trường như EU, Mỹ... Từng bước xây củng cố lại thương hiệu để mở rộng hoạt động, để trở lại là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và khu vực ASEAN trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản bằng chiến lược phát triển bền vững. Tập trung vào các sản phẩm cá tra trên cơ sở xây dựng và phát triển chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi: quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, cung ứng sản phẩm vào các hệ thống phân phối lớn phục vụ người tiêu dùng.

Xây dựng thương hiệu Agifish trở thành thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hoá doanh nghiệp đặc thù, đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Liên kết cùng với các đơn vị thành viên khác trong tập đoàn Hùng Vương để tạo lợi thế cạnh tranh về chất lượng sản phẩm và thị trường tiêu thụ.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm.

Agifish quan tâm xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo, quản lý và công nhân lao động phấn đấu vì sự phát triển của Công ty. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương.



5. CÁC RỦI RO

THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Tập trung chủ yếu vào các thị trường như Châu Âu, Úc, Châu Á, Trung Đông. Đây là những thị trường có tốc độ tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, quy định về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường này khá khắt khe, thường xuyên thay đổi các yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt hơn, đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao năng lực đáp ứng được yêu cầu của thị trường và sự cạnh tranh từ các đơn vị khác trong việc chiếm lĩnh thị trường. Bên cạnh đó, chính sách bảo hộ người nuôi trồng thủy sản tại Hoa Kỳ dẫn tới vụ kiện chống bán phá giá làm mất đi thị trường Mỹ, một trong những thị trường mang lại hiệu quả. Mặt khác lãi suất ngày càng tăng cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.



CẠNH TRANH VỚI CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC

Trong khu vực, các nước đều có nuôi cá Tra như Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia... do thấy được tiềm năng to lớn từ loài cá này. Hiện nay các quốc gia đầu nguồn sông Mêkong đang có chính sách khuyến khích người dân nuôi và phát triển cá Tra. Trung Quốc đã đầu tư lớn vào Campuchia để phát triển vùng nuôi cá Tra quy mô, cạnh tranh với Việt Nam. Ngoài ra họ cũng đã chú ý đến việc đầu tư nuôi cá tra sạch. Công ty CP Thái Lan đang đẩy mạnh đầu tư để quản lý một bộ phận quan trọng của ngành cá tra Việt Nam.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Do gặp khó khăn về tài chính, thiếu nguồn vốn lưu động phục vụ cho sản xuất, không đủ sản lượng hàng cung cấp cho khách hàng dẫn đến thị trường xuất khẩu thị thu hẹp. Công ty đã thay đổi cơ cấu thị trường xuất khẩu tập trung vào thị trường Châu Á như Hongkong, Trung Quốc, Malaysia... đây là những thị trường tiềm năng, tăng trưởng tốt, tuy nhiên giá xuất thấp hơn các thị trường EU và Mỹ. Riêng thị trường Mỹ đã mất hoàn toàn do phán quyết của DOC áp mức thuế suất chống bán phá giá khá cao. Vào tháng 11/2018, DOC đã ra phán quyết sơ bộ cho kỳ xem xét

hành chính lần thứ 14 (giai đoạn 01/8/2016 đến 31/7/2017) của tập đoàn Hùng Vương là 0%, đây là mức thuế suất kỳ vọng cho những năm tiếp theo.

Đối với thị trường trong nước, Agifish tiếp tục giữ vững danh hiệu “ Hàng Việt Nam chất lượng cao” của các sản phẩm giá trị gia tăng chế biến từ cá tra Agifish, Xí nghiệp chế biến thực phẩm AGF360 đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng trong cơ cấu hàng xuất khẩu để thay thế cho các mặt hàng đông lạnh giảm sút.

Hơn 70% sản phẩm mang thương hiệu Agifish được tiêu thụ mạnh tại các hệ thống siêu thị Saigon Coop Mart, Mega market, Big C, Lotte... còn lại phân phối thông qua các đại lý trên cả nước.

Trong niên độ tài chính 2017- 2018, sản lượng hàng giá trị gia tăng đạt **106%** so kế hoạch, đạt 2.750 tấn, trong đó :



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Các chỉ tiêu kế hoạch như: kim ngạch xuất khẩu, doanh thu, lợi nhuận đều không đạt như kế hoạch đã đề ra. Một số nguyên nhân chính là:

- Mặt thị trường Mỹ do mức thuế suất áp cho sản phẩm của Agifish quá cao, nên Công ty không xuất hàng vào Mỹ;
- Không đủ nguyên liệu sản xuất để cung cấp theo các hợp đồng cho các khách hàng truyền thống tại thị trường EU, cũng như mở rộng sang các thị trường mới;
- Thị trường Trung quốc có mức tăng trưởng khá, song chất lượng không cao, giá xuất thấp, không bù đắp được cho thị trường EU;

- Các ngân hàng tiếp tục siết chặt tín dụng, các gói tài trợ vay thấp không đủ nguồn vốn phục vụ cho sản xuất, ảnh hưởng đến vòng quay vốn, thiếu vốn để mua nguyên liệu sản xuất;
- Chi sản xuất chủ yếu từ nguồn nuôi của Công ty, dẫn đến thiếu nguyên liệu, không có sản phẩm để cung cấp cho thị trường vào những lúc giá xuất khẩu tăng cao, lỡ mất thời cơ.
- Thiếu nguồn vốn cũng là nguyên nhân các vùng nuôi không đạt hiệu quả, thiếu thức ăn cá chậm lớn, hao hụt nhiều, giá thành tăng, làm cho hiệu quả nuôi không đạt như kế hoạch.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016-2017	Kế hoạch 2017-2018	Thực hiện 2017-2018	So sánh (%)	
				2018/2017	TH/KH
Tổng doanh thu (tỷ)	2.273	1.800	1.284,9	57	71
LN trước thuế (tỷ)	-186	0	-177,5		
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	26.324	17.000	13.834	52,55	81,37
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	52,351	51	32,405	61,9	63,5
Tổng số lao động (ngàn người)	2.256	2.000	1.860	82,44	93
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.466.000	5.600.000	5.400.000	102,45	96,42



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ THÀNH THÔNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ VĂN PHONG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Giới tính	: Nam	: Nam	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 24/02/1958	: 05/12/1967	: 01/04/1975
Nơi sinh	: TP Hồ Chí Minh	: Tây Ninh	: Xã Thới Thạnh, Huyện Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre
CMND	: 022868620	: 351768544, ngày cấp 18/11/2010, nơi cấp: An Giang	: 362369683, ngày cấp 23/12/2008, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch	: Việt Nam	: Việt Nam	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh	: Kinh	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 233/34 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	: 1234/60 Trần Hưng Đạo, khóm Bình Đức 1, phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, An Giang	: 127/24 Mậu Thân, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Số ĐT liên lạc	: 0903939763	: 0913128909	: 0903873877
Trình độ chuyên môn	: Đại học nuôi trồng & chế biến thủy sản	: Tốt nghiệp Đại học TC-KT TP.HCM năm 1989	: Kỹ sư công nghệ thực phẩm, Đại học Cần Thơ
• Quá trình công tác	- Từ 1982 đến 1992: Phó Phòng kế hoạch, Quản đốc phân xưởng thuộc Xí nghiệp Cầu Tre - Từ 1993 đến 2002: Giám đốc Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Sài Gòn - Từ 2003 đến 2009: Chủ tịch HĐQT Xí nghiệp đông lạnh Việt Phú Tiền Giang - Từ Tháng 1/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Agifish	- Tháng 02/1990 – 07/1991: làm tại phòng Tài chính huyện Châu Thành, tỉnh An Giang - Từ tháng 08/1991 đến nay: làm việc tại Cty Agifish	- Từ 2000 - 2002: làm việc tại vùng thử nghiệm Cty Proconco Cần Thơ - Từ 2002 - 2007: làm việc tại vùng nuôi thủy sản Cty Aquaservice - Từ 2008 – 2013 : Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam - Từ 2013 đến nay : Phó Tổng giám đốc phụ trách nuôi trồng, Công ty cổ phần XNK Thủy sản An Giang
• Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết	: - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc	: - Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc	: Phó Tổng Giám đốc
• Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hùng Vương	:	: - Phó giám đốc phụ trách nuôi trồng Công ty cổ phần Hùng Vương - Phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần Hùng Vương – Tây Nam
• Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)	: Không	: 34.522 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ	: 5.500 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ
• Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết	: Không	: Không	
• Những khoản nợ đối với Công ty	: Không	: Không	: Không
• Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không	: Không	: Không
• Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không	: Không	: Không

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Thời điểm 30/09/2018:

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CUỐI KỲ
1.860 người (959 nữ)
 ↑ TĂNG TRONG KÌ 1.323 người
 ↓ GIẢM TRONG KÌ 1.719 người

LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
2 người TRÊN ĐẠI HỌC
138 người ĐẠI HỌC
31 người CAO ĐẲNG
112 người TRUNG CẤP

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập của người lao động. Thu nhập bình quân toàn công ty đạt 5.400.000 đ/người/tháng.
- Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty. Khuyến khích người lao động tăng năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả.
- Công ty luôn tạo điều kiện tốt hơn cho người lao động, bảo đảm việc làm thường xuyên và thu nhập cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, thưởng, phúc lợi, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, thai sản theo quy định của Nhà nước. Tổng mức đóng BHXH năm 2018 là trên 17,261 tỷ đồng; chi ốm, thai sản, nghỉ dưỡng sức với số tiền 1,351 tỷ đồng



- Triển khai các chế độ chính sách hỗ trợ như nâng lương, tiền ăn giữa ca cho công nhân giúp ổn định tâm lý của người lao động.
- Không ngừng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh; cải tiến quy trình, dụng cụ, thiết bị trong sản xuất nhằm giảm định mức chế biến, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, với số tiền hơn 100.000.000 đồng.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

• CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN:

Trong niên độ 2016-2017, Công ty tiến hành các thủ tục để đầu tư khu nhà ở tập thể cho người lao động tại Phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang với qui mô:

- Tổng diện tích: 43.801m²
- Số căn hộ: 253 căn
- Tổng vốn đầu tư: 45.870.949.000 đồng
- Thời gian thực hiện: 24 tháng

Do không đủ nguồn kinh phí để đầu tư cũng như tái cấu trúc hoạt động kinh doanh của Công ty, dự án sẽ được chuyển nhượng cho đơn vị khác thực hiện.

• CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: không



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.700.404.685.906	1.229.047.001.127	-40,7
Doanh thu thuần	2.273.878.185.861	1.284.914.997.750	-43,5
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-185.818.265.380	-159.539.073.046	14,1
Lợi nhuận khác	-348.731.062	-17.972.296.786	5100
Lợi nhuận trước thuế	-186.166.996.442	-177.511.369.832	5
Lợi nhuận sau thuế	-187.329.236.363	-178.107.348.367	5
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-6.664,21	-6336	5

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,18	1,14	-3
- Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,80	0,97	20,6
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,71	0,66	-7,6
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,44	1,90	-22,2
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3,87	3,90	0,9
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,10	1,05	-4,7
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,0824	-0,1386	68,3
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	-0,3114	-0,4206	35,1
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,0904	-0,1449	60,3
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-0,817	-0,1242	51,9

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 28.109.743 cp
- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cp

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Các dữ liệu thống kê về cổ đông (xác định đến ngày 23/01/2019)

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông đặc biệt		
- HĐQT	40.022	0,14
- BGD	40.022	0,14
- BKS		
2. Cổ đông trong nước	27.814.491	98,95
- Tổ chức	24.709.715	87,9
Trong đó cổ đông nhà nước	2.316.892	8,24
- Cá nhân	3.104.776	11,05
3. Cổ đông nước ngoài	295.252	1,05
- Tổ chức	51.275	0,22
- Cá nhân	243.977	0,87
4. Cổ phiếu quỹ		
TỔNG CỘNG	28.109.743	100

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn

TT	Tên Họ	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ %
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước Người đại diện: Đoàn Đặng Quý An	Số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2.316.892	8,24
2	Công ty CP Hùng Vương (HVG) Người đại diện: Dương Ngọc Minh	Lô 44, Khu công nghiệp Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	22.370.625	79,58

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ : không có
CÁC CHỨNG KHOẢN KHÁC : không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP:

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện.

NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ

- Thay thế hệ thống chiếu sáng từ đèn huỳnh quang chấn lưu sang công nghệ đèn led.
- Lắp thêm biến tần (inverter), khởi động mềm MCD3000 cho các thiết bị có motor công suất lớn nhằm tiết kiệm điện khi khởi động thiết bị.

CÁC SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG:

- Các xí nghiệp đông lạnh trong toàn công ty sử dụng năng lượng tái tạo: tận dụng nhiệt của đường nén hệ thống lạnh để làm nóng nước phục vụ cho việc vệ sinh các công cụ sản xuất thay cho trước đây sử dụng máy nước nóng tiêu thụ bằng năng lượng điện hoặc dầu diesel.
- Thường xuyên giáo dục ý thức tiết kiệm điện cho cán bộ, công nhân lao động, lắp đặt các bảng nội quy về sử dụng điện tiết kiệm trong văn phòng và nhà xưởng coi như là biện pháp nhắc nhở thường xuyên hiệu quả.

TIÊU THỤ NƯỚC

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG:

- Nguồn nước cung cấp cho các Xí nghiệp đông lạnh 7, Xí nghiệp đông lạnh 9 và Xí nghiệp chế biến thực phẩm 360 là nguồn nước giếng ngầm, khoan sâu 250m, qua hệ thống xử lý nước cấp của các xí nghiệp 120m³/ giờ. Tổng lượng nước ngầm sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm là 198.625 m³ bằng 49% so cùng kỳ.
- Nguồn nước cung cấp cho Xí nghiệp đông lạnh 8 là nguồn nước mặt bơm trực tiếp từ sông Hậu qua hệ thống xử lý nước cấp của xí nghiệp công suất 60m³/ giờ. Tổng lượng nước mặt từ sông Hậu sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của xí nghiệp đông lạnh 8 là 70.522 m³ bằng 52% so cùng kỳ.
- Tổng mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh của toàn Công ty trong niên độ 2017 - 2018 là 269.147 m³ giảm 50,6% so với niên độ 2016-2017.

TỶ LỆ PHẦN TRĂM VÀ TỔNG LƯỢNG NƯỚC TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG: không có

TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Số lượng lao động trong năm là 1.860 người, mức lương bình đạt 5.400.000 đồng/người/tháng.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHOẺ, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho hơn 1.400 lượt người lao động với tổng số tiền hơn 238 triệu đồng.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG :

Công nhân ngành thủy sản thường vào làm việc và nghỉ việc, số lượng biến động trong kỳ báo cáo tăng giảm rất lớn trong quá trình sản xuất, nên công ty phải thường xuyên tổ chức huấn luyện, đào tạo dạy nghề cho công nhân mới vào làm việc trực tiếp trên dây chuyền sản xuất tại các xí nghiệp chế biến đông lạnh của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty chủ trương bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự bền vững và có trách nhiệm. Góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương

- Các cơ sở sản xuất của Công ty bao gồm trại nuôi, nhà máy chế biến... đặt cơ sở ở các địa phương luôn thực hiện đúng các quy định, chính sách pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, xã hội tại địa phương. Cố gắng hạn chế xả thải nguồn nước, chất thải độc hại chưa xử lý ra môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng doanh thu trong niên độ 2017-2018 đạt 1.284,9 tỷ đồng, sản lượng xuất khẩu 13.834 tấn, kim ngạch xuất khẩu 32,405 triệu USD. Cơ cấu hàng xuất khẩu có sự thay đổi do không xuất được hàng sang Hoa Kỳ, thị trường Tây Âu bị thu hẹp, Châu Á trở thành là thị trường lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu của Công ty (chiếm tới 54,5%), kế đến là Tây Âu 13,8%, Úc 13,2%, Trung Đông 9,0%, Nam Mỹ 7,3%, Đông Âu + Nga 1,8%.

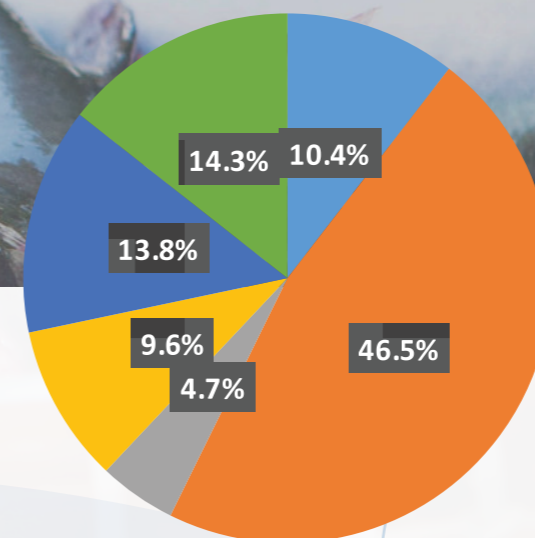
Doanh thu đạt 71% theo kế hoạch, nhưng lợi nhuận -178,1 tỷ đồng do các nguyên nhân:

- Không đủ nguyên liệu sản xuất để cung cấp theo các hợp đồng cho các khách hàng truyền thống tại thị trường EU, cũng như mở rộng sang các thị trường mới;
- Thị trường Trung quốc cũng như các thị trường khác ở Châu Á có mức tăng trưởng khá, song chất lượng không cao, giá xuất thấp, không bù đắp được cho thị trường EU;

• Các ngân hàng tiếp tục siết chặt tín dụng, các gói tài trợ vay thấp không đủ nguồn vốn phục vụ cho sản xuất, ảnh hưởng đến vòng quay vốn, thiếu vốn để mua nguyên liệu sản xuất; Chi sản xuất chủ yếu từ nguồn nuôi của Công ty, dẫn đến thiếu nguyên liệu, không có sản phẩm để cung cấp cho thị trường vào những lúc giá xuất khẩu tăng cao, lỗ mất thời cơ.

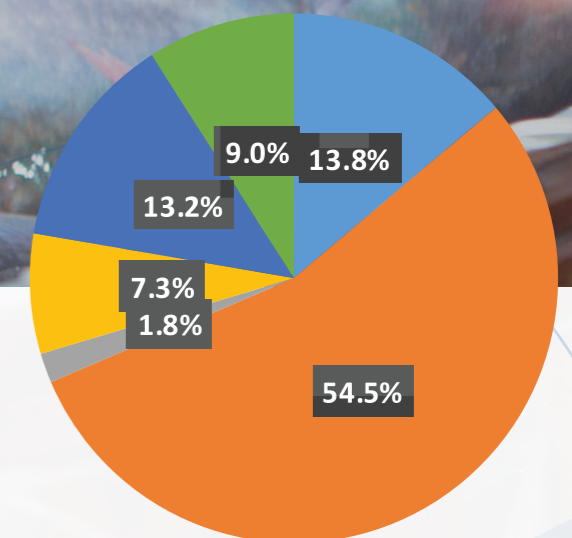
• Thiếu nguồn vốn cũng là nguyên nhân các vùng nuôi không đạt hiệu quả, thiếu thức ăn cá chậm lớn, hao hụt nhiều, giá thành tăng, làm cho hiệu quả nuôi không đạt như kế hoạch.

• Phải trích lập dự phòng khoản nợ phải thu khó đòi hơn 140 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp giảm -29,8.



Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2017

● Tây Âu
 ● Châu Á
 ● Đông Âu & Nga
 ● Nam Mỹ
 ● Úc
 ● Trung Đông



Cơ cấu thị trường xuất khẩu 2018

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

• Hiệu quả sử dụng tài sản năm 2018 thấp hơn so với cùng kỳ, do thiếu hụt nguồn vốn lưu động nên thời gian vừa qua Công ty thu gọn vùng nuôi nguyên liệu và cho thuê nhà máy cho các đối tác ngoài Công ty gia công đảm bảo hiệu quả sử dụng tài sản cố định và tạo công ăn việc làm cho công nhân. Tổng Tài sản ngắn hạn của công ty tại ngày 30/09/2018 so với 30/09/2017 giảm hơn 801 tỷ đồng (47,1%), mức giảm này được đánh giá sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến tình hình cân đối tài chính của Công ty.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

• Nợ ngắn hạn tại ngày 30/09/2018 giảm so với 30/09/2017 chủ yếu do thay đổi lớn ở khoản nợ phải trả người bán và các khoản nợ vay. Các vùng nuôi nguyên liệu quy hoạch theo hướng thu hẹp, đồng thời việc thu hẹp sản xuất cho thuê nhà máy dẫn đến việc nhu cầu vốn lưu động không còn nhiều như cùng kỳ năm trước, kéo theo các khoản nợ phải trả giảm so với cùng kỳ.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Đổi mới, nâng cấp hệ thống băng chuyền cấp đông IQF để giảm thời gian cấp đông, tăng năng suất, tiết giảm chi phí tại các nhà máy.
- Thay đổi, cải tiến qui trình sản xuất chế biến nhà máy chế biến thực phẩm F360, để tăng năng suất, giảm lao động tiết kiệm chi phí, giảm giá thành đủ sức cạnh tranh với các đơn vị khác.
- Giải thể các đơn vị nội bộ hoạt động kém hiệu quả, sáp nhập các bộ phận có chức năng tương đồng để tiết giảm lao động, nâng cao năng lực làm việc.
- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, tinh gọn bộ máy quản lý giảm 18% so với năm 2017.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2017-2018

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2017 - 2018	THỰC HIỆN 2016 - 2017	KẾ HOẠCH 2017 - 2018
I	CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG				
1	Sản lượng xuất khẩu	tấn	17.000	13.834	12.000
2	Sản lượng tiêu thụ nội địa				
	- Hàng chế biến GTGT	tấn	2.600	2.750	2.900
	+ Sản lượng	tỷ đồng	150	164,7	200
	+ Doanh thu				
II	CHỈ TIÊU KIM NGẠCH XNK				
1	Kim ngạch xuất khẩu	USD	51.000.000	32.405.802	42.000.000
2	Kim ngạch nhập khẩu	USD	2.000.000	37.000	100.000
III	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	2.500	1.284,8	1.500
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	2.500	1.475,4	1.390
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	0	-178,1	30
IV	KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng lao động	Người	2.000	1.860	1.800
2	Thu nhập bình quân người/tháng	đ/n/t	5.600.000	5.400.000	5.400.000

4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

không có

5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trước sự phát triển của thị trường hiện nay, ngoài yêu cầu về chất lượng, người tiêu dùng và các nhà nhập khẩu thủy sản quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm bền vững và có trách nhiệm, khách hàng còn đòi hỏi sản phẩm phải được sản xuất trong điều kiện an toàn với môi trường, xã hội và người lao động. Do vậy, Ban lãnh đạo công ty nỗ lực thực thi trách nhiệm xã hội một cách nghiêm túc trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh; Xây dựng chương trình, kế hoạch từng bước áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và Công ty Agifish đã được cấp chứng nhận nuôi thủy sản bền vững (ASC) cho vùng nuôi cá An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, An Giang từ năm 2013.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Trong năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều được thực hiện theo chủ trương của Hội đồng quản trị và Công ty mẹ; Hội đồng quản trị đã đề ra các giải pháp nhằm giảm giá thành sản xuất từ khâu nguyên liệu cho đến chế biến và xuất khẩu để ổn định doanh thu, lợi nhuận và thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên do ảnh hưởng kết quả kinh doanh không thuận lợi từ năm 2017 lỗ hơn 187 tỷ đồng, làm cho các ngân hàng siết chặt nguồn vốn vay của Công ty, dẫn đến thiếu nguồn vốn đáp ứng cho sản xuất, các vùng nuôi thiếu thức ăn dẫn đến giá thành nuôi cao, thiếu sản lượng cung cấp cho các nhà máy chế biến, trong khi không đủ

nguồn vốn để mua ngoài nên không đủ sản lượng cung cấp cho các khách hàng, lỡ mất thời cơ kinh doanh khi giá xuất khẩu trên thị trường tăng cao. Mặt khác, việc không đủ nguyên liệu sản xuất, phải tạm ngừng 02 nhà máy chế biến, để cho đơn vị khác gia công chỉ mang tính tạm thời duy trì lực lượng lao động và khấu hao máy móc, thiết bị, không đủ bù các chi phí tài chính phát sinh, nhất là lãi vay dẫn đến kết quả kinh doanh niên độ 2017-2018 tiếp tục lỗ hơn 178 tỷ đồng. Ngoài ra còn có các khoản nợ phải thu khó đòi, buộc Công ty phải trích dự phòng, cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh lỗ. Hội đồng Quản trị đã lưu ý Ban lãnh đạo Công ty tích cực thu hồi công nợ để hạn chế trích lập dự phòng.

Công ty kiên trì thực hiện các giải pháp đã đề ra: tăng năng suất, ổn định chất lượng giảm giá thành sản phẩm, mở rộng thị trường, giảm chi phí, chính sách tinh giảm nhân sự, quan tâm đúng mức đối với người lao động như tiền lương cùng các chế độ đãi ngộ đã giữ chân được lực lượng lao động giỏi mang lại sự ổn định trong sản xuất và chất lượng.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, sau Đại hội Tổng giám đốc tiếp tục triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, tập trung cho sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh lại công tác quản lý, quy hoạch lại vùng nguyên liệu theo kế hoạch đã đề ra nhằm chủ động nguồn cá nguyên liệu cho sản xuất. Tháo gỡ khó khăn của thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng tại thị trường các nước Bắc Âu, Trung Đông, Trung Quốc... Song do ảnh hưởng nhiều yếu tố làm cho hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm không đạt mục tiêu đề ra, còn dẫn đến lỗ.

Tổng giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc đã báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đề xuất các giải pháp để thực hiện các chiến lược kinh doanh do HĐQT đưa ra, trực tiếp chỉ đạo việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kịp thời, chính xác theo đúng quy định. Tuy nhiên, việc công bố các báo cáo tài chính không kịp thời, chưa đúng thời gian theo qui định.

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



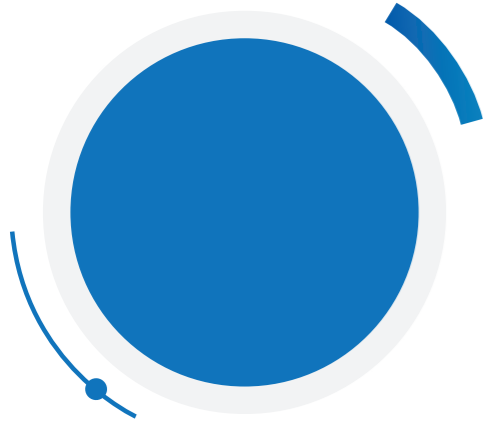
QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
- Số lượng thành viên : 5 người. Trong đó:
 - + Thành viên bên trong : 3 người
 - + Thành viên bên ngoài : 2 người
- Nhiệm kỳ: 5 năm

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Ghi chú
1. Châu Duy Cường	Chủ tịch	2018 – 2023	Thành viên độc lập
2. Dương Ngọc Minh	Phó Chủ tịch	2018 – 2023	Thành viên độc lập
3. Nguyễn Văn Ký	Phó Chủ tịch	2018 – 2023	
4. Võ Thành Thông	Thành viên	2018 – 2023	
5. Võ Văn Phong	Thành viên	2018 – 2023	



CHÂU DUY CƯỜNG

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 22/07/1973
Nơi sinh : Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang
CMND : 362359942, ngày cấp 20/10/2008, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 81/13 Đường Phạm Ngũ Lão, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ
Số ĐT liên lạc : 0913974075
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Nuôi trồng thủy sản

- Quá trình công tác:**
 - 1996 – 2007: Phụ trách thương mại Công ty Proconco
 - 2008 đến 2012: Phụ trách kỹ thuật nuôi cá Công ty Cổ phần Hùng Vương
 - 2013 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Hùng Vương Vĩnh Long
- Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** :
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** :
- Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty** :
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** :



DƯƠNG NGỌC MINH

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 22/10/1956
Nơi sinh : TP.Hồ Chí Minh
CMND : 021997925, ngày cấp 20/10/2003 nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 218/33/7 Minh Phụng, Phường 6, Quận 6, TPHCM
Số ĐT liên lạc : 0903 311 111
Trình độ chuyên môn : Kinh doanh

- Quá trình công tác:**
 - Từ 1975 đến 1984: Phó Giám đốc kiêm Chỉ huy trưởng Nông trường Duyên Hải.
 - Từ 1984 đến 1994: Giám đốc Công ty chế biến thủy sản Hùng Vương.
 - Từ 2003 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Hùng Vương
- Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** : 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu:** : 22.370.625 cổ phần, chiếm 79,58 % vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu:** :
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không
- Những khoản nợ đối với Công ty** :
- Lợi ích liên quan đối với Công ty** :
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** :

Ông **NGUYỄN VĂN KÝ** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông **VÕ VĂN PHONG** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

Ông **VÕ THÀNH THÔNG** (vui lòng xem phần Ban Điều hành bên trên)

• CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

không có

• HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với sự phát triển của Công ty trong tình hình hiện nay. Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế để đề ra những chủ trương, định hướng phát triển phù hợp.

Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (Agifish) vào lúc 9h00 ngày 13 tháng 03 năm 2018, tại Hội trường trụ sở Công ty số 1234 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Ngô Phước Hậu, Chủ tịch HĐQT, thay mặt cho đoàn chủ tịch đọc các tờ trình trước Đại hội để xin ý kiến các nội dung cần biểu quyết thông qua.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT:

Trong niên độ tài chính 2017 -2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm đưa ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ tham gia các cuộc họp của các thành viên HĐQT được thống kê chi tiết như sau :

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ngô Phước Hậu	Chủ tịch	3	100%	Hết nhiệm kỳ vào 13/3/2018
2	Châu Duy Cường	Chủ tịch	2	100%	Bổ nhiệm ngày 13/3/2018
3	Dương Ngọc Minh	P.Chủ tịch	4	80%	Công tác nước ngoài
4	Nguyễn Văn Ký	TV	5	100%	
5	Võ Thành Thông	TV	5	100%	
6	Võ Văn Phong	TV	5	100%	

- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 76 ngày 30/11/2017 để thảo luận quyết định về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 26/01/2016;
- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 77 ngày 17/01/2018 để thảo luận và quyết định dời ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông năm 2018 vào ngày 13/03/2018; và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2017-2018 sau khi có báo cáo tài chính niên độ 2016-2017 được kiểm toán;
- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 78 ngày 12/03/2018 để thảo luận quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2017-2018;
- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 79 ngày 13/03/2018 để Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2017-2018 thành công.
- Họp Hội đồng quản trị lần thứ 80 ngày 13/06/2018 đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 05 tháng đầu năm 2018 và xem xét giải thể chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;

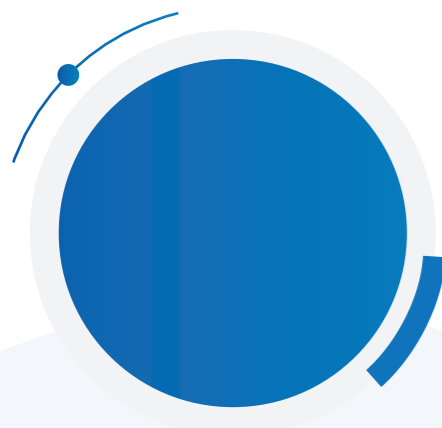
• Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT/2017-2018	30/11/2017	Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 26/01/2018
2	02/NQHĐQT/2017-2018	17/01/2018	Dời ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 sang ngày 13/03/2018
3	03/NQHĐQT/2017-2018	12/03/2018	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2017 – 2018 và thống nhất danh sách đề cử vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018-2023
4	04/NQHĐQT/2017-2018	13/03/2018	Bầu Ông Châu Duy Cường làm Chủ tịch HĐQT và Ông Dương Ngọc Minh giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT
5	05/NQHĐQT/2017-2018	13/06/2018	Giải thể chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán niên độ kế toán 2017 - 2018.

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

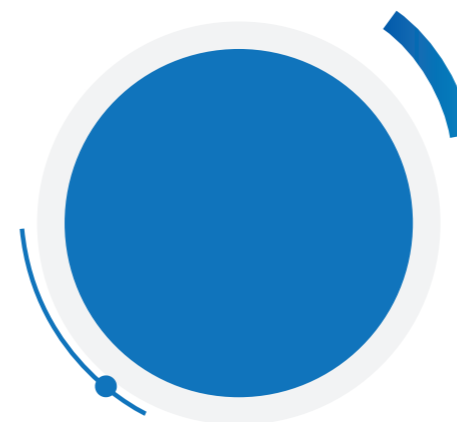


VÕ MINH PHƯƠNG

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 22/05/1958
Nơi sinh :
CMND : 020077902 ngày cấp 25/09/2010, nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 158/2/2 Bà Hạt, phường 9, quận 10, Tp. HCM
Số ĐT liên lạc : 0902596113
Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính, kế toán

- **Quá trình công tác:**
 - Từ 1980 - 1988: Giảng viên Đại học Tài chính Kế toán Tp.HCM
 - Từ 1989 - 2001: Chủ doanh nghiệp tư nhân
 - Từ 2002 - 2006: Kế toán trưởng Công ty CP Incomfish
 - Từ 2007 - 2017: Thành viên BKS Công ty CP Hùng Vương
 - Từ 2011 - nay: Trưởng BKS Công ty CP XNK Lâm Thủy sản Bến Tre
 - Từ 2013 - nay: Trưởng BKS Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng
 - Từ 2018 : Giám đốc Công ty TNHH Giống – chăn nuôi Việt Thắng An Giang

- **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Agifish
- **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** :
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP XNK lâm thủy sản Bến Tre
 - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP thức ăn chăn nuôi Việt Thắng
 - Giám đốc Công ty TNHH Giống – chăn nuôi Việt Thắng An Giang
- **Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** :
- **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không



VŨ NHÂN VƯƠNG

Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 05/12/1981
Nơi sinh :
CMND : 023697994, ngày cấp 00/00/0000, nơi cấp: CA Hà Nội
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 268/8 Lý Thái Tổ, P1, Q3, Tp. HCM
Số ĐT liên lạc : 0903979386
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

- **Quá trình công tác:**
 - Từ năm 2004 – 2008: Nhân viên kinh doanh Công ty CP Thiết bị Y tế VIMEC
 - Từ năm 2009–2011: Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Đại Á
 - Từ năm 2012 – 2013: Quản lý phân xưởng Công ty TNHH Phước Toàn An
 - Từ năm 2014 – 2016: Nhân viên tài chính Công ty CP Hùng Vương
 - Từ năm 2016 – 2017: Phụ trách tài chính Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng
 - Từ 01/2018: Phó TGDĐ phụ trách tài chính Cty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng

- **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Thành viên Ban kiểm soát Công ty Agifish
- **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Phó TGDĐ phụ trách tài chính Cty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng
- **Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** :
- **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không có
- **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không



TRIỆU NGUYỄN NGỌC MINH

Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 11/08/1985
Nơi sinh : Rạch Giá – Kiên Giang
CMND : 361973782 ngày cấp 05 – 09 – 2000, nơi cấp: Cần Thơ
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 144 Khu vực 2, Phường Ba Láng, Q. Cái Răng, Cần Thơ
Số ĐT liên lạc : 01684641900
Trình độ chuyên môn : Cử Nhân Kinh Tế

- **Quá trình công tác:** Từ 01/09/2008 đến nay: Cty XNK Thủy Sản An Giang - 1234 Trần Hưng Đạo Tp.Long Xuyên An Giang
- **Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết** : Nhân viên Xí nghiệp Dịch vụ thủy sản
- **Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Không
- **Số CP nắm giữ (tại thời điểm hiện nay)** :
- **Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết** : Không
- **Những khoản nợ đối với Công ty** : Không
- **Lợi ích liên quan đối với Công ty** : Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, kịp thời giám sát và góp ý kiến cho các hoạt động cũng như quyết định của HĐQT theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

a) Thù lao cho Hội đồng quản trị trong niên độ 2017-2018 như sau:

Trong niên độ 2017-2018, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ Công ty.

b) Giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của Nhà nước.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2018)

MỤC LỤC

- 01** THÔNG TIN CHUNG
- 02** BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- 03** BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 05** BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
- 07** BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- 08** BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
- 09** THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

• Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

• Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.

• Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng thủy sản, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ thủy sản và cho thuê đất.

• Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1234, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

• Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Châu Duy Cường	---	Chủ tịch (bổ nhiệm 13 /3/2018)
Ông Ngô Phước Hậu	---	Chủ tịch (từ nhiệm 13 /3/2018)
Ông Dương Ngọc Minh	---	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ký	---	Thành viên
Ông Võ Thành Thông	---	Thành viên
Ông Võ Văn Phong	---	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

• Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Minh Phương	---	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 21/3/2018)
Ông Lê Nam Hải	---	Trưởng ban (từ nhiệm ngày 21/3/2018)
Bà Triệu Nguyễn Ngọc Minh	---	Thành viên
Ông Vũ Nhân Vương	---	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13/3/2018)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	---	Thành viên (từ nhiệm ngày 13/3/2018)

BAN GIÁM ĐỐC

• Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Ký	---	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Thông	---	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Phong	---	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

• Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Ký.

KIỂM TOÁN VIÊN

• Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

• Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

• Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

• Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

• Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Ký
TỔNG GIÁM ĐỐC

An Giang, Việt Nam
Ngày 11 tháng 1 năm 2019

3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang (“Công ty”), được lập ngày 11 tháng 1 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 1 năm 2019

4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (vào ngày 30 tháng 9 năm 2018)

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		899.073.957.899	1.700.407.685.906
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	4.693.780.633	14.703.368.003
111	1. Tiền		4.693.780.633	14.703.368.003
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	11.100.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	11.100.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		717.396.777.336	1.087.344.355.153
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	858.813.815.751	1.199.387.126.703
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.583.041.714	23.763.269.681
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.661.586.960	23.820.113.659
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7	(164.661.667.089)	(159.626.154.890)
140	IV. Hàng tồn kho	9	135.612.285.748	538.458.816.498
141	1. Hàng tồn kho		136.119.771.115	551.922.187.704
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(507.485.367)	(13.463.371.206)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		41.371.114.182	48.801.146.252
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	727.487.862	2.503.009.132
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		34.128.587.944	39.831.829.712
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	6.515.038.376	6.466.307.408
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		329.973.043.228	371.703.971.355
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.559.128.470	183.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.559.128.470	183.000.000
220	II. Tài sản cố định		244.194.964.361	272.536.164.365
221	1. Tài sản cố định hữu hình		175.646.274.163	203.489.757.775
222	Nguyên giá	10	605.718.270.482	597.840.112.339
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(430.071.996.319)	(394.350.354.564)
227	2. Tài sản vô hình		68.548.690.198	69.046.406.590
228	Nguyên giá	11	69.912.589.271	69.912.589.271
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.363.899.073)	(866.182.681)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		34.696.617.255	32.415.668.553
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	34.696.617.255	32.415.668.553
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		212.600.000	212.600.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(212.600.000)	(212.600.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		49.522.333.142	66.569.138.437
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	49.474.439.988	65.925.266.748
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	47.893.154	643.871.689
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.229.047.001.127	2.072.111.657.261

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		805.582.295.960	1.470.539.603.727
310	I. Nợ ngắn hạn		787.146.109.660	1.444.424.514.254
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	189.344.970.528	574.204.652.072
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	20.035.415.470	21.306.992.782
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	96.003.717	451.801.638
314	4. Phải trả người lao động		11.463.383.779	9.815.988.322
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	8.698.328.138	27.879.268.706
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	413.636.364	437.500.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.623.752.039	7.042.754.622
320	8. Vay ngắn hạn	20	551.095.612.303	802.878.548.790
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		375.007.322	407.007.322
330	II. Nợ dài hạn		18.436.186.300	26.115.089.473
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	-	652.727.273
338	2. Vay dài hạn	20	12.000.000.000	16.000.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	6.436.186.300	9.462.362.200
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		423.464.705.167	601.572.053.534
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	423.464.705.167	601.572.053.534
411	1. Vốn cổ phần		281.097.430.000	281.097.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		281.097.430.000	281.097.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		411.288.522.916	411.288.522.916
421	3. (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(270.429.975.300)	(92.322.626.933)
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(92.322.626.933)	95.006.609.430
421b	- Lỗ năm nay		(178.107.348.367)	(187.329.236.363)
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.508.727.551	1.508.727.551
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.229.047.001.127	2.072.111.657.261



Võ Thành Thông
Người lập & Kế toán trưởng
Ngày 11 tháng 01 năm 2019




Nguyễn Văn Kỳ
Tổng Giám Đốc

5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.285.286.027.946	2.279.610.602.669
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(371.030.196)	(5.732.416.808)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.284.914.997.750	2.273.878.185.861
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.314.714.549.561)	(2.184.448.148.309)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(29.799.551.811)	89.430.037.552
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	10.055.210.585	22.286.256.559
22	7. Chi phí tài chính	28	(48.131.507.534)	(71.696.511.928)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(44.519.329.535)	(55.890.806.043)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(69.145.303.063)	(123.042.831.643)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(22.517.921.223)	(102.795.215.920)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(159.539.073.046)	(185.818.265.380)
31	11. Thu nhập khác	29	1.255.897.508	192.916.927
32	12. Chi phí khác	29	(19.228.194.294)	(541.647.989)
40	13. Lỗ khác	29	(17.972.296.786)	(348.731.062)
50	14. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(177.511.369.832)	(186.166.996.442)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	(595.978.535)	(1.162.239.921)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(178.107.348.367)	(187.329.236.363)
70	17. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	23.4	(6.336,14)	(6.664,21)
71	18. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	23.4	(6.336,14)	(6.664,21)


 Võ Thành Thông
 Người lập & Kế toán trưởng
 Ngày 11 tháng 01 năm 2019





 Nguyễn Văn Ký
 Tổng Giám Đốc

6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (vào ngày 30 tháng 9 năm 2018)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(177.511.369.832)	(186.166.996.442)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	39.865.695.307	41.241.569.812
03	(Hoàn nhập) các khoản dự phòng		(10.946.549.540)	84.904.895.135
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(5.903.965.502)	(333.868.635)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.200.883.082)	(1.128.478.518)
06	Chi phí lãi vay	28	44.519.329.535	55.890.806.043
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(111.177.743.114)	(5.592.072.605)
09	Giảm các khoản phải thu		374.116.310.575	202.726.610.619
10	Giảm hàng tồn kho		415.802.416.589	49.895.318.652
11	Giảm các khoản phải trả		(407.255.979.356)	(155.757.932.067)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		18.226.348.030	(3.550.925.407)
14	Tiền lãi vay đã trả		(43.226.079.941)	(55.734.375.225)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.000.000)	(163.400.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		246.453.272.783	31.823.223.967
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.434.260.663)	(3.188.863.694)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		4.217.065.250	1.274.545.454
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(14.000.000.000)	(11.100.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng		25.100.000.000	8.100.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.127.666.305	1.293.037.449
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.010.470.892	(3.621.280.791)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		890.865.155.392	1.377.951.565.735
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.149.435.780.879)	(1.419.252.653.875)
36	Cổ tức đã trả		-	(34.608.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(258.570.625.487)	(41.335.696.640)
50	Giảm tiền thuần trong năm		(10.106.881.812)	(13.133.753.464)
60	Tiền đầu năm		14.703.368.003	27.815.947.456
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		97.294.442	21.174.011
70	Tiền cuối năm	4	4.693.780.633	14.703.368.003


 Võ Thành Thông
 Người lập & Kế toán trưởng
 Ngày 11 tháng 01 năm 2019




 Nguyễn Văn Ký
 Tổng Giám Đốc

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

1. THÔNG TIN CÔNG TY

- Công ty Cổ phần **Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản An Giang** (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.
- Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 16/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 3 năm 2002.
- Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng thủy sản, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ thủy sản và cho thuê đất.
- Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1234 Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
- Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 2.035 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2017: 2.256 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:
 - Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
 - Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
 - Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
 - Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
 - Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 GIÁ ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

- Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.
- Trong năm, Công ty đã phát sinh một khoản lỗ thuần trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 178.107.348.367 VND. Cũng tại ngày này, Công ty gánh chịu khoản lỗ lũy kế là 270.429.975.300 VND và có các khoản vay đến hạn trả chưa được thanh toán tại một ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 20.3. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn

đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã lập kế hoạch về lợi nhuận và dòng tiền trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Bên cạnh đó, công ty mẹ của Công ty cũng cam kết tiếp tục cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính cần thiết để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động cho mười hai tháng tiếp theo mà không có bất kỳ sự gián đoạn nào. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.
- Theo đó, báo cáo tài chính chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

2.3 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 KỲ KẾ TOÁN NĂM

- Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 30 tháng 9.

2.5 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 TIỀN

- Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 HÀNG TỒN KHO

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:
 - Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm - chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

- Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.
- Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

- Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.5 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

- Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	34 - 41 năm
Nhà cửa	3 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 25 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 12 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	3 - 10 năm



7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

3.6 CHI PHÍ ĐI VAY

• Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

• Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

• Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời gian từ 1 đến 19 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

• Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

• Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

• Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

• Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 TRỢ CẤP THÔI VIỆC PHẢI TRẢ

• Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

• Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

• Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

• Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

• Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

• Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13 GHI NHẬN DOANH THU

• Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

• Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

• Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

• Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

• Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

• Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

• Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

• Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

• Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.



• Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

• Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản úc đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

• Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

• Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

• Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

• Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.16 CÁC BÊN LIÊN QUAN

• Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.118.261.070	2.126.859.707
Tiền gửi ngân hàng	3.575.519.563	12.576.508.296
TỔNG CỘNG	4.693.780.633	14.703.368.003

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên khác	791.466.598.913	980.846.252.053
Trong đó:		
M&T Seafood's Corporation	323.590.493.293	152.882.610.097
Công ty Cổ phần Nông Thủy sản Việt Phú	211.515.249.617	357.286.901.495
Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản Hưng Thành	145.178.905.976	261.285.994.624
Khác	111.181.950.027	209.390.745.837
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	67.347.216.838	218.540.874.650
TỔNG CỘNG	858.813.815.751	1.199.387.126.703
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(148.794.084.816)	(143.295.700.316)
GIÁ TRỊ THUẦN	710.019.730.935	1.056.091.426.387

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	143.295.700.316	65.740.552.612
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	5.620.378.521	77.555.147.704
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(121.994.021)	-
Số cuối năm	148.794.084.816	143.295.700.316

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	3.000.000.000	16.680.017.045
Trả trước cho các bên khác	1.583.041.714	7.083.252.636
TỔNG CỘNG	4.583.041.714	23.763.269.681
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.583.041.714	20.763.269.681

7. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu cá nhân về chuyển nhượng khoản đầu tư	10.200.000.000	(10.200.000.000)	10.200.000.000	(10.200.000.000)
Tạm ứng cho nhân viên	3.811.689.205	(667.582.273)	9.194.144.197	(462.872.300)
Phải thu khác	4.649.897.755	(2.000.000.000)	4.425.969.462	(2.667.582.274)
	18.661.586.960	(12.867.582.273)	23.820.113.659	(13.330.454.574)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược	1.559.128.470	-	183.000.000	-
TỔNG CỘNG	20.220.715.430	(12.867.582.273)	24.003.113.659	(13.330.454.574)
Trong đó:				
Phải thu các bên khác	18.220.715.430	(10.867.582.273)	22.003.113.659	(11.330.454.574)
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)

8. NỢ XẤU

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần
M&T Seafood's Corporation	323.590.493.293	78.389.065.610	245.201.427.683	152.882.610.097	76.441.305.048	76.441.305.049
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Delta	21.364.689.260	21.364.689.260	-	21.364.689.260	21.364.689.260	-
Egyptian Marking Co., Ltd	13.484.817.783	13.484.817.783	-	13.484.817.783	13.484.817.783	-
Atlant Pacific Joint Stock Company	12.347.500.000	12.347.500.000	-	12.347.500.000	12.347.500.000	-
Fujian Anxin Industrial Co., Ltd	10.557.822.800	5.278.911.400	5.278.911.400	-	-	-
Pescados Videla S.A	10.373.624.160	10.373.624.160	-	10.373.624.160	10.373.624.160	-
Lê Thái Hòa	10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.200.000.000	10.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Khác	9.701.583.776	8.223.058.876	1.478.524.900	13.436.961.700	10.414.218.639	3.022.743.061
TỔNG CỘNG	416.620.531.072	164.661.667.089	251.958.863.983	239.090.203.000	159.626.154.890	79.464.048.110

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	100.503.110.498	399.680.702.988
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.308.857.360	127.821.594.368
Nguyên vật liệu	11.802.656.897	23.656.615.086
Công cụ, dụng cụ	450.756.214	595.222.491
Hàng hóa	54.390.146	168.052.771
TỔNG CỘNG	136.119.771.115	551.922.187.704
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(507.485.367)	(13.463.371.206)
GIÁ TRỊ THUẦN	135.612.285.748	538.458.816.498

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.463.371.206	10.132.207.799
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	3.331.163.407
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(12.955.885.839)	-
Số cuối năm	507.485.367	13.463.371.206

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	176.033.346.941	403.837.732.977	16.650.369.055	1.201.745.184	116.918.182	597.840.112.339
Mua sắm mới	-	2.293.211.000	-	-	-	2.293.211.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	-	12.732.064.998	-	-	-	12.732.064.998
Thanh lý	(234.119.613)	(6.912.998.242)	-	-	-	(7.147.117.855)
Số cuối năm	175.799.227.328	411.950.010.733	16.650.369.055	1.201.745.184	116.918.182	605.718.270.482
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	10.883.387.280	136.579.530.154	5.549.364.322	1.170.381.548	82.000.000	154.264.663.304
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(74.891.984.385)	(305.606.523.885)	(12.566.285.186)	(1.182.028.230)	(103.532.878)	(394.350.354.564)
Khấu hao trong năm	(8.106.278.764)	(30.103.663.016)	(1.138.313.201)	(16.232.102)	(3.491.832)	(39.367.978.915)
Thanh lý	181.727.608	3.464.609.552	-	-	-	3.646.337.160
Số dư cuối năm	(82.816.535.541)	(332.245.577.349)	(13.704.598.387)	(1.198.260.332)	(107.024.710)	(430.071.996.319)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	101.141.362.556	98.231.209.092	4.084.083.869	19.716.954	13.385.304	203.489.757.775
Số cuối năm	92.982.691.787	79.704.433.384	2.945.770.668	3.484.852	9.893.472	175.646.274.163
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	67.177.599.036	52.307.253.622	-	-	-	119.484.852.658

(*) Công ty đã dùng nhà cửa, máy móc và thiết bị với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 lần lượt là 42.525.607.895 VND và 41.247.555.052 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh số 20). Nhà cửa, máy móc và thiết bị còn lại với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 lần lượt là 24.651.991.141 VND và 11.059.698.570 VND được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Hùng Vương - công ty mẹ.

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	69.697.073.271	215.516.000	69.912.589.271
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	215.516.000	215.516.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(650.666.681)	(215.516.000)	(866.182.681)
Hao mòn trong năm	(497.716.392)	-	(497.716.392)
Số cuối năm	(1.148.383.073)	(215.516.000)	(1.363.899.073)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	69.046.406.590	-	69.046.406.590
Số cuối năm	68.548.690.198	-	68.548.690.198
Trong đó:			
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	28.277.449.153	-	28.277.449.153

(*) Công ty đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 3.136.933.422 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh số 20). Quyền sử dụng đất còn lại với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 25.140.515.731 VND được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty Cổ phần Hùng Vương – công ty mẹ.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DẪN DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất (*)	23.500.000.000	21.000.000.000
Mở rộng kho vận	10.807.963.658	10.807.963.658
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	388.653.597	607.704.895
TỔNG CỘNG	34.696.617.255	32.415.668.553

(*) Như được trình bày trong Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay ngân hàng.

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	212.600.000	(212.600.000)	-	212.600.000	(212.600.000)	-

Chi tiết giá trị khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND
Công ty Cổ phần Bông đá Hùng Vương – An Giang	21.260	212.600.000	21.260	212.600.000

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	349.197.220	634.663.169
Công cụ, dụng cụ	111.914.401	1.171.403.744
Tiền thuê đất trả trước	76.084.991	426.831.517
Khác	190.291.250	270.110.702
	727.487.862	2.503.009.132
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	46.662.460.277	58.365.005.061
Chi phí sửa chữa	2.775.252.059	6.183.872.769
Công cụ, dụng cụ	36.727.652	1.018.695.593
Khác	-	357.693.325
	49.474.439.988	65.925.266.748
TỔNG CỘNG	50.201.927.850	68.428.275.880

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	103.653.907.259	257.141.048.678
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Nông Thủy sản Việt Phú	64.271.825.936	95.275.209.105
Công ty TNHH Một thành viên Thủy sản Hưng Thành	23.296.562.077	31.482.205.051
Khác	16.085.519.246	130.383.634.522
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	85.691.063.269	317.063.603.394
TỔNG CỘNG	189.344.970.528	574.204.652.072

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyễn Văn Lâm	14.511.888.481	-
Công ty TNHH Vạn Đạt	2.216.463.410	2.216.463.410
Wahid Associates	1.334.558.423	1.403.866.003
Khác	1.972.505.156	17.686.663.369
TỔNG CỘNG	20.035.415.470	21.306.992.782

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	14.208.028.797	(14.208.028.797)	-
Thuế thu nhập cá nhân	227.637.555	-	(227.637.555)	-
Thuế nhà đất	114.689.666	1.324.445.211	(1.439.134.877)	-
Các loại thuế khác	109.474.417	87.379.220	(100.849.920)	96.003.717
TỔNG CỘNG	451.801.638	15.619.853.228	(15.975.651.149)	96.003.717
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.466.307.408	-	-	6.466.307.408
Các loại thuế khác	-	325.686.583	(276.955.615)	48.730.968
TỔNG CỘNG	6.466.307.408	325.686.583	(276.955.615)	6.515.038.376

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	3.945.880.804	3.892.267.667
Chi phí lãi vay	2.121.083.461	827.833.867
Chi phí thuê ao	864.557.698	1.898.405.771
Chi phí điện, nước	510.680.800	537.820.775
Chi phí vận chuyển	65.254.000	1.146.324.450
Mua nguyên vật liệu	-	18.017.670.000
Chi phí phải trả khác	1.190.871.375	1.558.946.176
TỔNG CỘNG	8.698.328.138	27.879.268.706
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	8.698.328.138	25.572.628.706
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	-	2.306.640.000

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	2.870.806.014	3.996.686.327
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	175.034.835	375.034.835
Các khoản phải trả khác	2.577.911.190	2.671.033.460
TỔNG CỘNG	5.623.752.039	7.042.754.622

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

	Số đầu năm	Trả trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Chênh lệch tỉ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng	798.878.548.790	890.865.155.392	(1.146.394.096.486)	-	2.787.689.000
(Thuyết minh số 20.1)					
Vay dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	-	(3.041.684.393)	-	4.958.315.607
(Thuyết minh số 20.2)					
Vay dài hạn ngân hàng	802.878.548.790	890.865.155.392	(1.149.435.780.879)	-	551.095.612.303
(Thuyết minh số 20.2)	16.000.000.000	-	(4.000.000.000)	-	12.000.000.000
TỔNG CỘNG	818.878.548.790	890.865.155.392	(1.149.435.780.879)	-	563.095.612.303

20.1 CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động như sau

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Nguyên tệ VND	Nguyên tệ USD	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức thế chấp (Thuyết minh số 10, 11)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	446.525.926.700	346.782.766.700	4.268.000	Từ ngày 19/7/2018 đến ngày 10/6/2019	Vay bằng VND: 7,7 - 8,2 Vay bằng USD: 4,5	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng và máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tập đoàn Petrolimex - Chi nhánh An Giang	99.611.369.996	99.611.369.996	-	Từ ngày 7/10/2018 đến ngày 3/6/2019	Vay bằng VND: 7,2 - 7,5	Tin chấp
TỔNG CỘNG	546.137.296.696	446.394.136.696	4.268.000			

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

20.2 VAY NGÂN HÀNG DÀI HẠN

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng nhằm mục đích tài trợ cho việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VND	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức thế chấp (Thuyết minh số 12)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tập đoàn Petrolimex – Chi nhánh An Giang	16.958.315.607	Trả hàng năm số tiền 4.000.000.000 VND từ ngày 26/9 /2018 đến ngày 26/9/2020 và số tiền 8.000.000.000 VND vào ngày 29/9/2021	9,28	Quyền sử dụng đất hình thành từ vốn vay
Trong đó:	4.958.315.607			
Vay dài hạn đến hạn trả	12.000.000.000			
Vay dài hạn				

20.3 VAY NGÂN HÀNG QUÁ HẠN CHỨA THANH TOÁN

	Số cuối năm VND	Lãi vay	Số đầu năm VND	Gốc vay	Lãi vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ("BIDV") (*)	152.279.932.066	1.599.410.937	-	-	-

(*) Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty đã thanh toán các khoản vay đến hạn phải trả tại BIDV.

21. DOANH THU CHỨA THỰC HIỆN

Doanh thu chứa thực hiện thể hiện doanh thu từ việc cho thuê đất.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thời việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10

23. VỐN SỞ HỮU

23.1 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Nguyên vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	281.097.430.000	411.288.522.916	95.006.609.430	1.508.727.551	788.901.289.897
Lỗ thuần trong năm	-	-	(187.329.236.363)	-	(187.329.236.363)
Số cuối năm	281.097.430.000	411.288.522.916	(92.322.626.933)	1.508.727.551	601.572.053.534
Năm nay					
Số đầu năm	281.097.430.000	411.288.522.916	(92.322.626.933)	1.508.727.551	601.572.053.534
Lỗ thuần trong năm	-	-	(178.107.348.367)	-	(178.107.348.367)
Số cuối năm	281.097.430.000	411.288.522.916	(270.429.975.300)	1.508.727.551	423.464.705.167

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

23.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	281.097.430.000	281.097.430.000

23.3 CỔ PHIẾU

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	28.109.743	28.109.743
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	28.109.743	28.109.743
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	28.109.743	28.109.743

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 30 tháng 9 năm 2017: 10.000 VND/cổ phiếu).

23.4 LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	(178.107.348.367)	(187.329.236.363)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (cổ phiếu)	28.109.743	28.109.743
Lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(6.336,14)	(6.664,21)

Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

24. DOANH THU

24.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.285.286.027.946	2.279.610.602.669
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu cá	760.656.477.175	1.196.255.525.823
Doanh thu bán cá nội địa	221.218.004.327	554.267.511.426
Doanh thu gia công cá	93.664.581.626	-
Doanh thu hàng hóa	69.223.706.791	114.924.852.224
Doanh thu hàng mở cá, bột cá	58.741.991.588	73.564.099.992
Doanh thu cá nguyên liệu nội địa	39.390.935.642	82.112.220.186
Doanh thu hàng phụ phẩm chế biến	28.998.727.752	241.476.783.340
Doanh thu thuốc thú y thủy sản	7.051.612.096	11.960.684.146
Doanh thu dịch vụ	5.440.705.820	3.690.503.697
Doanh thu khác	899.285.129	1.358.421.835
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(371.030.196)	(5.732.416.808)
DOANH THU THUẦN	1.284.914.997.750	2.273.878.185.861
Trong đó:		
Doanh thu xuất khẩu cá	760.578.237.175	1.190.578.752.315
Doanh thu bán cá nội địa	220.925.214.131	554.211.868.126
Doanh thu gia công cá	93.664.581.626	-
Doanh thu hàng hóa	69.223.706.791	114.924.852.224
Doanh thu hàng mở cá, bột cá	58.741.991.588	73.564.099.992
Doanh thu cá nguyên liệu nội địa	39.390.935.642	82.112.220.186
Doanh thu hàng phụ phẩm chế biến	28.998.727.752	241.476.783.340
Doanh thu thuốc thú y thủy sản	7.051.612.096	11.960.684.146
Doanh thu dịch vụ	5.440.705.820	3.690.503.697
Doanh thu khác	899.285.129	1.358.421.835
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	1.235.653.099.572	2.039.120.566.068
Doanh thu đối với các bên liên quan	49.261.898.178	234.757.619.793

24.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.349.612.058	20.333.851.327
Lãi tiền gửi	705.598.527	1.225.871.060
Lãi chậm thanh toán nhận được	-	726.534.172
TỔNG CỘNG	10.055.210.585	22.286.256.559

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cá xuất khẩu	824.048.591.813	1.173.149.637.140
Giá vốn cá bán nội địa	210.099.807.094	477.754.581.559
Giá vốn dịch vụ gia công cá	78.527.549.387	-
Giá vốn hàng hóa	69.010.842.685	113.784.967.031
Giá vốn hàng mở cá, bột cá	58.755.285.996	73.498.536.221
Giá vốn cá nguyên liệu	47.637.128.123	87.497.526.154
Giá vốn hàng phụ phẩm chế biến	29.165.276.805	241.196.634.250
Giá vốn thuốc thú y thủy sản	6.831.551.263	11.482.990.824
Giá vốn dịch vụ	3.928.384.628	2.752.111.723
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.289.868.233)	3.331.163.407
TỔNG CỘNG	1.314.714.549.561	2.184.448.148.309

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển	24.093.512.771	41.839.495.334
Chi phí lưu kho	22.091.977.004	42.927.788.486
Chi phí hoa hồng và hỗ trợ bán hàng	7.619.648.300	13.813.746.440
Chi phí bán hàng khác	15.340.164.988	24.461.801.383
TỔNG CỘNG	69.145.303.063	123.042.831.643

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	5.956.773.600	6.959.667.294
Chi phí thuê	3.571.811.599	3.345.769.066
Chi phí dự phòng	2.009.336.299	83.371.434.553
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.979.999.725	9.118.345.007
TỔNG CỘNG	22.517.921.223	102.795.215.920

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	44.519.329.535	55.890.806.043
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.612.177.999	15.805.705.885
TỔNG CỘNG	48.131.507.534	71.696.511.928

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.255.897.508	192.916.927
Bồi thường từ công ty bảo hiểm	650.000.000	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	495.284.555	-
Khác	110.612.953	192.916.927
Chi phí khác	(19.228.194.294)	(541.647.989)
Chi phí thuê ao và chi phí nhà máy tạm ngưng hoạt động	(15.950.600.910)	-
Tiền phạt	(222.221.160)	(64.968.831)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	(97.392.542)
Khác	(3.055.372.224)	(379.286.616)
LỖ KHÁC	(17.972.296.786)	(348.731.062)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	721.184.057.999	1.791.389.293.342
Chi phí nhân công	130.921.169.408	206.497.600.354
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.730.423.745	41.241.569.812
Dự phòng phải thu khó đòi	5.035.512.199	82.488.832.028
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.955.885.839)	3.331.163.407
Chi phí khác	118.772.166.837	236.214.956.437
TỔNG CỘNG	1.002.687.444.349	2.361.163.415.380

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

31.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu TNDN hoãn lại	595.978.535	1.162.239.921

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(177.511.369.832)	(186.166.996.442)
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	(35.502.273.966)	(37.233.399.288)
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.518.703.991	177.703.490
Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế	8.903.865.907	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho các khoản lỗ chuyển sang các năm sau	23.675.682.603	38.819.972.923
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất áp dụng	-	(602.037.204)
Chi phí thuế TNDN	595.978.535	1.162.239.921

31.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

- Lỗ tính thuế khác với lỗ kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

31.3 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Công ty đã ghi nhận các khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.287.237.260	1.892.472.440	(605.235.180)	335.853.065
Chi phí phải trả	789.176.161	778.453.533	10.722.628	(224.986.026)
Khác	-	-	-	(393.052.168)
	<u>2.076.413.421</u>	<u>2.670.925.973</u>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(2.028.520.267)	(2.027.054.284)	(1.465,983)	(880.054.792)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	47.893.154	643.871.689		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			(595.978.535)	(1.162.239.921)

31.4 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

• Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ chuyển sang các năm sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

Lỗ chuyển sang các năm sau

• Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 312.478.277.628 VND (ngày 30 tháng 9 năm 2017: 194.099.864.614 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/9/2018	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/9/2018
2015	2020	13.751.892.133	(11.153.796.364)	2.598.095.769
2017	2022	191.501.768.845	-	191.501.768.845
2018	2023	118.378.413.014	-	118.378.413.014
TỔNG CỘNG		323.632.073.992	(11.153.796.364)	312.478.277.628

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	117.722.278.462	-
		Bán thành phẩm	25.445.534.000	143.825.612.180
		Cung cấp dịch vụ	17.460.981.457	1.220.000.000
		Bán hàng hóa	3.026.487.984	3.726.076.881
		Bán cá nguyên liệu	-	77.974.886.420
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	22.624.299.200	130.489.223.200
		Bán hàng hóa	158.090.909	725.500.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	Bên liên quan	Mua hàng hóa	22.014.500.000	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	19.528.450.000	123.349.240.000
		Bán hàng hóa	-	579.721.818
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thắng	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	11.909.500.000	225.183.233.370
		Chi trả hộ	938.350.226	-
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	Mua cá nguyên liệu	8.235.725.000	-
		Bán hàng hóa	3.167.816.828	6.705.822.494
		Thanh lý tài sản	2.607.447.068	-
		Thuê ao	1.166.666.668	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hùng Vương Cao Lãnh	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.615.100.000	-

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017: 5.000.000.000 VND).

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và dịch vụ	58.502.217.113	217.106.254.650
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	Bán hàng hóa	6.203.994.475	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu	1.434.620.000	1.434.620.000
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thăng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.032.485.250	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Bán hàng hóa	173.900.000	-
			67.347.216.838	218.540.874.650
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng mua nguyên liệu	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Tạm ứng mua hàng hoá	-	13.680.017.045
			3.000.000.000	16.680.017.045
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Bến Tre	Bên liên quan	Tạm ứng	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hùng Vương	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	36.921.244.256	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Việt Thăng	Bên liên quan	Mua nguyên liệu và hàng hóa	31.973.772.438	300.142.280.570
Công ty Cổ phần Nuôi trồng Thủy sản Hùng Vương – Miền Tây	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	10.162.266.575	921.320.158
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	6.633.780.000	1.265.469.500
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Tây Nam	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	14.734.533.166
			85.691.063.269	317.063.603.394
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Hùng Vương – Vĩnh Long	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	-	2.306.640.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:				
			Năm nay	Năm trước
			1.478.368.400	1.774.363.000

7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tt)

(vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày)

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

• Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

• Hoạt động chính của Công ty là chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

• Công ty hiện đang thuê nhà kho và ao cá theo các hợp đồng thuê hoạt động tại tỉnh An Giang, Việt Nam. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	8.952.675.987	12.877.693.400
Từ 1 – 5 năm	20.115.554.358	24.566.953.947
Trên 5 năm	44.818.566.631	49.319.843.029
TỔNG CỘNG	73.886.796.976	86.764.490.376


35. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	117.117	245.641
Euro (EUR)	1.802	1.802
Đô la Úc (AUD)	1.477	1.477

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

• Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.


Võ Thành Thông
 Người lập & Kế toán trưởng

Ngày 11 tháng 01 năm 2019


Nguyễn Văn Kỳ
 Tổng Giám Đốc